

Số: 672/QĐ-UBND

Vĩnh Phúc, ngày 14 tháng 4 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 3468/QĐ-UBND ngày 07/12/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc về việc thành lập Quỹ phát triển đất tỉnh Vĩnh Phúc**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;*

*Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;*

*Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về bồi thường tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;*

*Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về Quỹ phát triển đất;*

*Căn cứ Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc về việc thông qua một số nội dung sửa đổi, bổ sung tổ chức bộ máy, điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển đất tỉnh Vĩnh Phúc;*

*Căn cứ Quyết định số 3468/QĐ-UBND ngày 07 tháng 12 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc về việc thành lập Quỹ phát triển đất tỉnh Vĩnh Phúc;*

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 55/TTr-STC ngày 28/02/2025.

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 3468/QĐ-UBND ngày 07 tháng 12 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc về việc thành lập Quỹ phát triển đất tỉnh Vĩnh Phúc.

### **1. Sửa đổi, bổ sung Điều 2 như sau:**

“Điều 2. Địa vị pháp lý, tư cách pháp nhân, chức năng nhiệm vụ và quyền hạn của Quỹ phát triển đất

1. Địa vị pháp lý, tư cách pháp nhân và chức năng

a) Quỹ phát triển đất tỉnh Vĩnh Phúc (gọi tắt là Quỹ) là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, hoạt động độc lập với ngân sách nhà nước, không vì mục đích lợi nhuận, bảo toàn và phát triển vốn.

b) Quỹ có tư cách pháp nhân, có con dấu, có tài khoản, hạch toán độc lập, có vốn điều lệ.

c) Quỹ có chức năng tiếp nhận, huy động vốn theo quy định để thực hiện nhiệm vụ ứng vốn và được hoàn trả vốn ứng theo quy định tại Điều 114 Luật Đất đai năm 2024, Nghị định 104/2024/NĐ-CP ngày 31/7/2024 của Chính phủ và pháp luật có liên quan.

2. Nhiệm vụ của Quỹ

a) Quản lý, bảo toàn và phát triển vốn.

b) Thực hiện ứng vốn thu hồi vốn ứng, chi phí quản lý vốn ứng theo quy định.

Chấp hành các quy định của pháp luật về quản lý tài chính, tài sản, kế toán, kiểm toán và các quy định khác có liên quan.

c) Quyết định dừng, thu hồi vốn ứng khi phát hiện tổ chức được ứng vốn vi phạm quy định về sử dụng vốn ứng hoặc chậm hoàn trả vốn ứng.

d) Kiểm tra đối với việc sử dụng vốn ứng và thu hồi vốn ứng theo quy định tại khoản 7 Điều 16 Nghị định 104/2024/NĐ-CP ngày 31/7/2024; xác định chi phí quản lý vốn ứng theo quy định tại Điều 17 Nghị định 104/2024/NĐ-CP ngày 31/7/2024.

đ) Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ theo quy định; báo cáo đột xuất về tình hình quản lý, sử dụng vốn hoạt động của Quỹ theo yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền.

e) Thực hiện các nhiệm vụ khác được Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

### 3. Quyền hạn của Quỹ

a) Tổ chức quản lý, điều hành hoạt động của Quỹ theo đúng mục tiêu và các nhiệm vụ được giao.

b) Ban hành quy chế, quy trình nghiệp vụ để điều hành hoạt động của Quỹ.

c) Xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền xử lý vi phạm của tổ chức, cá nhân trong việc quản lý, sử dụng, hoàn trả vốn ứng.

d) Kiểm tra đối với việc tuân thủ mục đích sử dụng vốn ứng của dự án, nhiệm vụ được Quỹ ứng vốn.

đ) Các quyền hạn khác theo quy định tại Nghị định 104/2024/NĐ-CP ngày 31/7/2024 và pháp luật có liên quan.”

### 2. Sửa đổi, bổ sung Điều 3 như sau:

“Điều 3. Nguyên tắc hoạt động và quản lý tài chính của Quỹ

1. Tự chủ tài chính, không vì mục đích lợi nhuận, bảo toàn và phát triển vốn.

2. Việc sử dụng Quỹ đúng mục đích, công khai, minh bạch, hiệu quả và phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Tất cả các khoản chi phải được kiểm tra, kiểm soát trước, trong và sau quá trình cấp phát thanh toán. Các khoản chi phải có trong kế hoạch, đúng chính sách, đúng chế độ, do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định và được Giám đốc Quỹ hoặc người được uỷ quyền quyết định chi. Người ra quyết định chi phải chịu trách nhiệm về quyết định của mình, nếu chi sai phải bồi hoàn cho công quỹ và tùy theo tính chất, mức độ vi phạm còn bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

4. Quỹ công khai tình hình huy động, quản lý, sử dụng quỹ và báo cáo tình hình thực hiện công khai tài chính theo quy định của pháp luật hiện hành.

5. Tổ chức hạch toán kế toán, báo cáo và quyết toán thu, chi theo đúng niên độ (tính theo năm dương lịch), chế độ kế toán và các chính sách quy định của pháp luật.

6. Không lợi dụng hoạt động của Quỹ để nhằm mục đích tư lợi cá nhân và hoạt động trái với các quy định tại Quyết định này và pháp luật.”

### 3. Sửa đổi, bổ sung Điều 4 như sau:

“Điều 4. Nguồn vốn hoạt động của Quỹ

1. Nguồn vốn hoạt động của Quỹ gồm:

a) Vốn điều lệ là: 1.452.400.000 đồng (Một nghìn bốn trăm năm mươi hai tỷ bốn trăm triệu đồng)

b) Vốn điều lệ tăng hàng năm

Từ nguồn chênh lệch thu lớn hơn chi (nếu có) của Quỹ sau khi trích lập các quỹ và thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước theo quy định của pháp luật; Giám đốc Quỹ quyết định sau khi có ý kiến chấp thuận của Hội đồng quản lý Quỹ.

Được ngân sách cấp từ nguồn chi đầu tư phát triển của ngân sách địa phương.

c) Vốn huy động hợp pháp khác theo quy định của pháp luật, gồm: Vốn viện trợ, tài trợ, hỗ trợ của các tổ chức quốc tế, tổ chức, cá nhân trong nước, ngoài nước theo chương trình hoặc dự án viện trợ, tài trợ và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định.

2. Vốn hoạt động của Quỹ được gửi tại Kho bạc Nhà nước cấp tỉnh, các ngân hàng thương mại có vốn chi phối của Nhà nước trên địa bàn bảo đảm an toàn, hiệu quả. Quỹ mở tài khoản riêng tại Kho bạc Nhà nước cấp tỉnh, tài khoản thanh toán tại các ngân hàng thương mại có vốn chi phối của Nhà nước trên địa bàn để quản lý vốn điều lệ của Quỹ.

3. Trong trường hợp nhu cầu tăng vốn Điều lệ của Quỹ, Quỹ sẽ đề xuất Hội đồng quản lý để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định.

4. Việc quản lý, sử dụng nguồn vốn của Quỹ, điều kiện ứng vốn, thẩm quyền quyết định ứng vốn và trình tự thủ tục ứng vốn, chi hỗ trợ, hoàn trả ứng vốn và các khoản cho hỗ trợ thực hiện theo Quy chế, Điều lệ của Quỹ và quy định Pháp luật hiện hành”.

#### **4. Sửa đổi, bổ sung Điều 5 như sau:**

“Điều 5. Cơ cấu tổ chức, mô hình hoạt động

1. Cơ cấu tổ chức của Quỹ

a) Hội đồng quản lý Quỹ có tối đa 07 thành viên, gồm: Chủ tịch Hội đồng quản lý, tối đa 02 Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý và các thành viên khác, số lượng, thành phần cụ thể của Hội đồng quản lý bảo đảm các nguyên tắc sau:

Số lượng thành viên của Hội đồng quản lý là số lẻ.

Chủ tịch Hội đồng quản lý là lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý là Giám đốc Quỹ; Hội đồng quản lý là lãnh đạo các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường, Xây Dựng, Nội vụ và

một số Sở, ban, ngành có liên quan. Giám đốc Quỹ là lãnh đạo Sở Tài chính kiêm nhiệm.

b) Ban kiểm soát Quỹ có tối đa 03 thành viên gồm: Trưởng ban, Phó trưởng ban và thành viên Ban kiểm soát;

c) Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ, gồm Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế Toán trưởng và không quá 03 phòng chuyên môn.

2. Mô hình hoạt động: Quỹ hoạt động theo mô hình Quỹ độc lập.

3. Biên chế của cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ hoạt động chuyên trách là viên chức.

4. Cơ chế tài chính: Quỹ thực hiện theo cơ chế tài chính đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên”.

## **Điều 2. Hiệu lực thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, trung tâm cấp tỉnh; các thành viên Hội đồng quản lý Quỹ; Ban kiểm soát Quỹ; Giám đốc Quỹ; Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh Vĩnh Phúc; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Phùng Thị Kim Nga**